TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:31/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/7/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Xuân Chuyển

2.Ông Nguyễn Ngọc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 22/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXX-ST ngày 17/6/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/ QĐ-ST ngày 03/7/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Đài Loan).

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị T ở Việt Nam: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 24/4/2019 nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 2007. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình anh, đến đầu năm 2008 thì hai vợ chồng anh chị vào Miền Nam làm ăn. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2008 thì vợ chồng anh chị cùng nhau về quê ăn tết và đầu năm 2009 thì chị T đã tự ý bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ ở và không về nhà anh C sống nữa và anh lại vào Miền Nam làm ăn. Sau khi anh vào Miền Nam mới biết được thông tin là chị T đi lao động ở Đài Loan qua bố mẹ vợ anh. Từ đó đến nay chị T vẫn sinh sống và làm việc tại Đài Loan nhưng không liên lạc gì với anh, vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

-Về con chung**:** Anh và chị T chưa có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản, công nợ**:** Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh C còn trình bày: Hiện nay chị T vẫn ở Đài Loan, địa chỉ cụ thể của chị T ở Đài Loan anh không cung cấp được cho Tòa án vì anh và chị T đã không liên lạc gì với nhau từ năm 2009 đến nay, chị T vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ đẻ chị T là ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị B trú tại: Xóm N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang cố tình giấu địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do anh đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị T được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị T.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T không có bản tự khai: Ngày 25/4/2019 và ngày 06/5/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1957, trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông L thông báo cho chị T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị T; yêu cầu chị T viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị T ở Đài Loan. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc ông Lvẫn giữ nguyên quan điểm là chị T ở Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị T ở Đài Loan cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị T, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị T biết để chị gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị T gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử chủ tọa công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh C; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị T là ông Nguyễn Ngọc L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị T; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị T là đúng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C. Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn C là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị T là ông Nguyễn Ngọc L để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông L thông báo cho chị T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T; Yêu cầu chị T viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông L chị T trình bày: chị T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Lvẫn không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của chị T cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị T biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị T theo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn C là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị T, chị T hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 6139/QLXNC- P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập

cảnh ngày 17/4/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị T xuất cảnh 07 lần, lần gần đây nhất là ngày 21/02/2017 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị T ở Việt Nam là: thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về quan hệ Hôn nhân: anh C và chị T kết hôn năm 2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo anh C trình bày: Sau khi kết hôn chị T về nhà anh làm dâu và ở chung cùng gia đình anh được khoảng một năm thì hai vợ chồng đi vào Miền Nam làm ăn, vợ chồng anh chị cũng không có mâu thuẫn gì, đến cuối năm 2008 thì hai vợ chồng cùng nhau về quê ăn tết và đầu năm 2009 chị T tự ý bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ ở và anh vào Miền Nam làm ăn. Sau anh mới biết thông tin chị T đã đi lao động tại Đài Loan từ đó đến nay vợ chồng anh không liên lạc gì với nhau nữa. anh C khởi kiện xin ly hôn Thoa.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C đối chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn năm 2007 anh C, chị T chung sống với nhau khoảng 2 năm. Năm 2009 chị T tự ý bỏ về bố mẹ đẻ ở và đi lao động tại Đài Loan không thông báo cho anh C biết, anh C và chị T không liên lạc với nhau, từ năm 2009 đến nay không chung sống cùng nhau và không quan tâm, chăm sóc nhau, bỏ mặc nhau. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị T đã trầm trọng vì người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau không quan tâm nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C. Xử cho anh C được ly hôn chị T.

[4].Về con chung: anh C và chị T không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].Về tài sản, công nợ: anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6].Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2.Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000284 ngày 24/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh C đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã T, huyện V;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền